

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HS-ST

Ngày: 22-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bảo Khuyên;

Bà Lê Thị Thúy Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2023/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Thị Lệ Q, sinh năm 1995; tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà 301, đường LD, tổ 1, khu phố 1, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh TN.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 111 hẻm 12A đường Nguyễn Văn R, khu phố M, phường N, thành phố TN, tỉnh TN.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T (đã chết) và con bà Vũ Hải Ph (đã chết); Chồng: Nguyễn Đức H, sinh năm 1996 và có 02 con sinh năm 2019 và sinh năm 2021;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo có lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22-8-2023;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Lệ Q là nhân viên kinh doanh của Công ty cổ phần NQ ô tô Tây Ninh (gọi tắt là Hyundai Tây Ninh) có trụ sở tại: số 21 đường 30 tháng 4, khu phố 4, phường 3, thành phố TN. Ngày 04-12-2022, anh Võ Trường G, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp TH, xã TĐ, huyện CT, tỉnh TN đến Hyundai Tây Ninh và được Quyên là nhân viên tư vấn mua 01 xe ô tô Hyundai Accent với giá 553.000.000 đồng. Đến ngày 05-12-2022, Quyên nhận tiền và viết giấy đã nhận cọc hẹn ngày 07-12-2022 anh G đến ký hợp đồng mua bán xe.

Khoảng 09 giờ ngày 07-12-2022, anh G đến Hyundai Tây Ninh để thanh toán tiền mua xe bằng 02 hình thức, chuyển khoản 340.000.000 đồng và thanh toán tiền mặt 203.000.000 đồng. Do Q không có tiền chơi chứng khoán và tiêu xài cá nhân, Q đã nảy sinh ý định lừa dối chiếm đoạt tiền mua xe của anh G, Q không đưa anh G đến bộ phận kế toán để thực hiện thủ tục thanh toán theo quy định mà đưa số tài khoản của Hyundai Tây Ninh để anh G trực tiếp chuyển khoản 340.000.000 đồng. Sau khi chuyển thành công, Q nói dối với anh G do hệ thống bị lỗi chưa nhận được tiền, khoảng 02 giờ mới sửa được và khi nào Công ty nhận được tiền vào tài khoản mới có thể thanh toán số tiền mặt còn lại, do phải đi giải quyết công việc nên anh G nói sẽ quay lại thanh toán sau. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Q điện thoại cho anh G quay lại thanh toán, anh G nói khoảng 30 phút sau sẽ quay lại, lúc này Q nói dối với anh G về việc Hyundai Tây Ninh nghỉ trưa không thực hiện giao dịch và hẹn anh G trước của Ngân hàng MB bank trên đường 30 tháng 4, khu phố 1, phường 1, thành phố TN, tỉnh TN đưa 203.000.000 đồng cho Q, đầu giờ chiều cùng ngày Q sẽ nộp lại số tiền 203.000.000 đồng cho kế toán Hyundai Tây Ninh. Q đã nhận 203.000.000 đồng của anh G, trong đó 200.000.000 đồng tiền mua xe và 3.000.000 đồng tiền trang trí làm lễ bàn giao xe và viết giấy biên nhận bằng “Phiếu thu tiền cọc xe”. Sau khi nhận tiền, Q mang số tiền đã chiếm đoạt được đến trụ ATM ngân hàng MB bank nộp vào tài khoản của Q 199.50.000 đồng, còn lại 3.500.000 đồng Q cất giữ. Sau đó, theo ứng dụng chơi chứng khoán trên điện thoại di động, Q đã chuyển số tiền đến số tài khoản của Bùi Thị Hồng Nh, sinh năm 1996, địa chỉ: Khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh TN số tiền 50.000.000 đồng; Bùi Thị G, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp LK, xã LTN, thị xã HT, tỉnh TN 02 lần với tổng số tiền 89.000.000 đồng; Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố H, phường Y, thành phố TN, tỉnh TN số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại Q đã chơi chứng khoán và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 24-4-2023 sau nhiều lần đòi tiền Q không được, anh G làm đơn tố cáo gửi đến cơ quan công an.

Quá trình điều tra Trần Thị Lệ Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Phiếu thu tiền đặt cọc xe (BL 30;31).

Về trách nhiệm dân sự: Trần Thị Lê Q đã bồi thường lại số tiền 200.000.000 đồng cho anh Võ Trường G (BL 112), anh G có đơn xin bãi nại (BL 111) và đơn xin giảm án đề ngày 13-11-2023 cho bị cáo Q.

Cáo trạng số: 105/CT-VKSTPTN ngày 17-10-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN đã quyết định truy tố bị cáo Trần Thị Lê Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN thực hành quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Lê Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trong phần tranh luận, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Q từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu Phiếu thu tiền đặt cọc xe (BL 30;31) lưu vào hồ sơ vụ án.

Bị cáo Q không có ý kiến tranh luận, bào chữa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Q rất hối hận về hành vi của bị cáo gây ra xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được án thấp nhất để bị cáo về lo cho 02 con còn nhỏ và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TN; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng; phù hợp vật chứng vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Xét bản chất giao tiền của anh G với bị cáo Trần Thị Lê Q là giao tiền để nhận xe ô tô nhưng ý thức chủ quan của bị cáo Q là chiếm đoạt số tiền

203.000.000 đồng của anh G để sử dụng vào mục đích cá nhân. Bị cáo dùng phiếu thu không đúng theo mẫu của Hyundai Tây Ninh và thuộc trường hợp không được nhận tiền mặt từ khách hàng, bị cáo ý thức được việc làm của mình là sai trái nhưng vẫn thực hiện. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Kết luận của kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội.

Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo gây nguy hại lớn cho xã hội, bị cáo lừa đảo, muốn có tiền tiêu xài, dùng thủ đoạn gian dối vì mục đích muốn chiếm đoạt tiền của bị hại. Do đó, cần xử lý nghiêm bị cáo để bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả. Người bị hại có đơn xin bãi nại, đơn xin giảm án cho bị cáo. Bị cáo Q hiện đang nuôi 02 con nhỏ, trong đó có 01 con nhỏ sinh ngày 10-5-2021 là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Tịch thu vật chứng là Phiếu thu tiền đặt cọc xe (BL 30;31) lưu vào hồ sơ vụ án.

[5] Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Đề nghị áp dụng điều luật, xác định tội danh, xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Q phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Lệ Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Lệ Q 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu vật chứng là Phiếu thu tiền đặt cọc xe (BL 30;31) lưu vào hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Thị Lệ Q phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- VKSND tp TN;
- Chi cục THADS tp TN;
- Công an tp TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa